UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG: MẦM NON TÀ CÁNG

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO LƯƠNG
THÁNG 02 NĂM 2025

Đơn vị tính : đồng *Lương cơ bản : 2.340.000đ*

STT	Họ và tên	Hệ số lương và Hệ số phụ cấp (TL%)																	Thành tiền	Các khoản phải trừ				Thực lĩnh	Ghi chú
		Lương ngạch bậc	Lương hợp đồng	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp trách nhiệm	Tỷ lệ % ThN	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	Tỷ lệ % TCGV YT	Phụ cấp ưu đãi ngành	Tỷ lệ % TNVK	Phụ cấp thâm niên VK	Phụ cấp độc hại	Hệ số độc hại	Số tháng còn được hưởng (5 năm)	Phụ cấp thu hút 70%	công số năm được hưởng	Phụ cấp lâu năm		8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng các khoản phải trừ		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	8	8	9	11					11				12	13=11+12	
19	**I. Trường MN Tà Cáng**	**62.71**	**0.00**	**2.10**	**10.50**	**0.10**	**1.83**	**6.20**	**12.30**	**38.45**						**2.94**		**9.60**	**310.265.748**	**13.292.548**	**2.492.353**	**1.661.568**	**17.446.469**	**292.819.279**	
	1 - NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG XÃ ĐBKK																								
1	Nguyễn Thị Linh	3.96		0.50	0.50		17%	0.76	70%	3.12							17.10	1.00	23.026.068	976.847	183.159	122.106	1.282.112	21.743.956	
2	Quàng Thị Thủy	3.34		0.35	0.50		13%	0.48	70%	2.58							13.00	0.70	18.609.318	780.568	146.356	97.571	1.024.495	17.584.823	
3	Đàm Thị Đô	3.34		0.35	0.50		12%	0.44	70%	2.58							10.11	0.70	18.522.972	773.660	145.061	96.708	1.015.429	17.507.543	
4	Lò Thị Pánh	3.34			0.50		13%	0.43	70%	2.34							13.07	0.70	17.110.548	706.530	132.474	88.316	927.321	16.183.227	
5	Nguyễn Việt Anh	3.33			0.50	0.1											6.11	0.50	10.366.200	623.376	116.883	77.922	818.181	9.548.019	
6	Nguyễn Thị Tĩnh	2.43		0.20	0.50												10.11	0.70	8.962.200	492.336	92.313	61.542	646.191	8.316.009	
7	Nguyễn Thị Thanh	3.96		0.20	0.50		17%	0.71	70%	2.91							16.09	1.00	21.713.328	911.140	170.839	113.892	1.195.871	20.517.457	
8	Lò Thị Kim	3.34			0.50		14%	0.47	70%	2.34							13.08	0.70	17.188.704	712.783	133.647	89.098	935.527	16.253.177	
9	Lò Thị Ninh	2.72		0.20	0.50		7%	0.20	70%	2.04							6.11	0.50	14.434.056	584.888	109.666	73.111	767.665	13.666.391	
10	Lò Thị Tím	2.72			0.50		9%	0.24	70%	1.90							8.08	0.50	13.732.992	555.011	104.064	69.376	728.451	13.004.541	
11	Lường T.Ngọc Mai	3.34			0.50		12%	0.40	70%	2.34							10.08	0.70	17.032.392	700.278	131.302	87.535	919.115	16.113.277	
12	Lù Thị Lả	3.03			0.50		11%	0.33	70%	2.12							10.08	0.70	15.641.262	629.610	118.052	78.701	826.363	14.814.899	
13	Cà Thị Chung	3.03			0.50		11%	0.33	70%	2.12							10.08	0.70	15.641.262	629.610	118.052	78.701	826.363	14.814.899	
14	Lò Thị Hằng	3.03		0.15	0.50		8%	0.25	70%	2.23							8.05	0.50	15.585.336	642.920	120.547	80.365	843.832	14.741.504	
15	Lò Thị Lan	2.10			0.50				70%	1.47					4.04.00	1.47			12.963.600	393.120	73.710	49.140	515.970	12.447.630	
16	Đỗ Thị Hằng	2.10			0.50				70%	1.47					3.12.00	1.47			12.963.600	393.120	73.710	49.140	515.970	12.447.630	
	2 - NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC HƯỞNG XÃ ĐBKK HƯỞNG 50%																								
17	Quàng Thị Thanh	2.41			0.50		5%	0.12	50%	1.21									9.911.070	473.710	88.821	59.214	621.744	9.289.326	
18	Quàng Thị Thương	3.03			0.50		11%	0.33	50%	1.52									12.585.222	629.610	118.052	78.701	826.363	11.758.859	
19	Cà Thị Ngọc Lan	2.41		0.15	0.50		5%	0.13	50%	1.28									10.455.120	503.194	94.349	62.899	660.442	9.794.678	
20	Cà Thị Nhung	2.41			0.50		5%	0.12	50%	1.21									9.911.070	473.710	88.821	59.214	621.744	9.289.326	
21	Cà Thị Hương	3.34			0.50		13%	0.43	50%	1.67									13.909.428	706.530	132.474	88.316	927.321	12.982.107	
1	**Cộng**	**0.00**	**3.860.000**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**		**0.00**		**0.00**				**2.418.290**		**0.00**	**6.278.290**	**308.800**	**57.900**	**38.600**	**405.300**	**5.872.990**	
1	Lò Văn Hậc		3.860.000		0.00			0.00		0.00		0.00			0.06.00	2.418.290			6.278.290	308.800	57.900	38.600	405.300	5.872.990	
	Tổng cộng	**62.71**	**3.860.000**	**2.10**	**10.50**	**0.1**	**1.83**	**6.1972**	**12.3**	**38.445**	**0**	**0**	**0**	**0**				**9.6**	**316.544.038**	**13.601.348**	**2.550.253**	**1.700.168**	**17.851.769**	**298.692.269**	

Tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng chẵn

Điện Biên Phủ, ngày tháng năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Việt Anh

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Linh

TRƯỜNG MẦM NON TÀ CÁNG XÃ NÀ TẤU